TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2023/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 217/2023/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Lê Thị T, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Xóm A, thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Anh Nguyễn B, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: 76 Tr, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn B, Chị Lê Thị T qua quá trình tìm hiểu, yêu thương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện S ngày 03/6/2020. Quá trình chung sống đến giữa năm 2022 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không còn có tiếng nói chung, thường xuyên cải vả nhau, bất đồng trong quan điểm sống. Đến nay anh, chị không còn tình cảm với nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân làm cho cả hai quá mệt mỏi và giữa anh, chị cũng không còn tình cảm vợ chồng nên anh, chị cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống và giải thoát cho đôi bên. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh B, chị T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Anh B, chị T xác định có 02 con chung là Nguyễn Lê Bảo V, sinh ngày 30/10/2019 và Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 10/12/2021. Anh, chị thỏa thuận giao 02 con chung cho Chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, Anh Nguyễn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 5.000.000đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh,chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho cháu V mỗi tháng 5.000.000 đồng và cho cháu H mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H, cháu V đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị T xác định là không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn B và Chị Lê Thị T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Lê Bảo V, sinh ngày 30/10/2019 và Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 10/12/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho cháu V mỗi tháng 5.000.000 đồng và cho cháu H mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H, cháu V đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị T xác định là không có.

1.4. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), Chị Lê Thị T và Anh Nguyễn B có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh, chị đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003480, ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND thị trấn Châu Ổ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Đình Chung